TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 29/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 18-5-2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM – TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Bà Phạm Thị Lanh.**
Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà **Đặng Thị Lệ.**

+ Ông **Huỳnh Chí Trình**.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Ngô Thị Quyên -** Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

- Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm không tham gia phiên tòa.

Ngày 18 tháng 5 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2018/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2018, về tranh chấp *"ly hôn"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2018/QĐXX-ST ngày 27 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Đỗ Công S** – sinh ngày: 14/8/1969 (có mặt).

Địa chỉ: Số 52/24 H, Phường 2, thành phố L, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Chị **Nguyễn Ngọc B** – sinh năm: 1976 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp N, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 22/01/2018 tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn anh Đỗ Công S trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Ngọc B do quen biết tự tìm hiểu nhau rồi tiến tới hôn nhân có tổ chức lễ cưới vào năm 1995 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 2, thành phố L, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 14/8/1995.

Sau ngày cưới anh và chị B sống tại Vĩnh Long. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 3 năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân là do kinh tế gia đình, chị B gây nợ nần anh S không hay biết đến khi anh S hay biết thì dẫn đến vợ chồng cự cải rồi chị B tự ý bỏ đi về gia đình cha mẹ ruột của chị B. Anh S và chị B đã không còn sống chung với nhau từ tháng 3 năm 2015 cho đến nay.

Nay anh cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Ngọc B.

- Về con chung: Anh và chị B có 03 con chung tên Đỗ Ngọc Q, sinh năm 1995, Đỗ Ngọc TH, sinh năm 1998 và Đỗ Ngọc T, sinh ngày 01/01/2003, hiện nay cháu T đang sống chung với anh S. Cháu Q và cháu TH đã thành niên nên anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh S yêu cầu được nuôi dưỡng cháu T không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung phải thu phải trả của vợ chồng: Anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Nguyễn Ngọc B đã được Tòa án tiến hành niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng. Theo đơn xin xác nhận của Công An xã Quới Thiện ngày 22/01/2018 do anh S cung cấp thì chị Nguyễn Ngọc B hiện đang đi làm không có mặt tại địa phương. Theo anh S trình bày thì sau khi anh nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm thì anh có liên lạc với chị B nhưng chị B không đồng ý đến Tòa án để giải quyết vụ kiện. Như vậy chị B biết anh S khởi kiện yêu cầu ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm nhưng chị B không đến để tham gia phiên họp, phiên hòa giải và phiên tòa. Xét việc vắng mặt của chị B không gây trở ngại cho việc xét xử nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị B.

Tài liệu, chứng cứ trong vụ án:

Nguyên đơn đã nộp: Đơn khởi kiện ngày 22/01/2018, Giấy trích lục kết hôn; giấy khai sinh (bản sao); Giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu (bản sao); Đơn xin xác nhận; Dịch vụ chuyển phát nhanh.

Bị đơn vắng nên không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Anh Đỗ Công S có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long giải quyết việc hôn nhân giữa anh và chị Nguyễn Ngọc B. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn chị Nguyễn Ngọc B vắng mặt, Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng cho chị B nhưng chị B cũng không đến. Nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn chị Nguyễn Ngọc B.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Đỗ Công S và chị Nguyễn Ngọc B do quen biết tự tìm hiểu nhau rồi tiến tới hôn nhân có tổ chức lễ cưới vào năm 1995 và có

đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 2, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 14/8/1995 nên quan hệ hôn nhân giữa anh S và chị B là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống theo anh S trình bày thì thời gian đầu anh chị sống hạnh phúc đến tháng 3 năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do kinh tế gia đình anh và chị B thường hay cự cải từ đó chị B bỏ nhà đi, anh và chị B không còn sống chung từ năm 2015 đến nay. Tại phiên tòa hôm nay anh yêu cầu ly hôn với chị B, chị B vắng mặt nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Đỗ Công S.

Về con chung: Anh và chị B có 03 con chung tên Đỗ Ngọc Q, sinh năm 1995, Đỗ Ngọc TH, sinh năm 1998 và Đỗ Ngọc T, sinh ngày 01/01/2003. Cháu Đỗ Ngọc Q, Đỗ Ngọc TH đã thành niên, anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Đối với cháu Đỗ Ngọc T hiện nay đang sống chung với anh S, sau khi ly hôn anh S yêu cầu được nuôi dưỡng cháu T không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con. Theo nguyện vọng của cháu T muốn sống với anh S, chị B vắng mặt nên giao cháu Đỗ Ngọc T cho anh Đỗ Công S nuôi dưỡng, chị B không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh Đỗ Công S không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị Nguyễn Ngọc B vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Anh Đỗ Công S không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị Nguyễn Ngọc B vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Đỗ Công S phải chịu án phí theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 9, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Đỗ Công S.

Về hôn nhân: Cho anh Đỗ Công S được ly hôn với chị Nguyễn Ngọc B.

Về con chung: Có 03 con chung tên Đỗ Ngọc Q, sinh năm 1995, Đỗ Ngọc TH, sinh năm 1998 và Đỗ Ngọc T, sinh ngày 01/01/2003. Cháu Đỗ Ngọc Q, Đỗ Ngọc TH đã thành niên, anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Giao cháu Đỗ Ngọc T cho anh Đỗ Công S trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Nguyễn Ngọc B không phải cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; thì

người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về tài sản chung: Anh Đỗ Công S không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị Nguyễn Ngọc B vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Anh Đỗ Công S không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị Nguyễn Ngọc B vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Đỗ Công S phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Số tiền trên được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà anh Đỗ Công S đã nộp theo biên lai thu số N^{0} 0008634, ngày 01/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm. Anh Đỗ Công S đã nộp đủ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (18/5/2018), để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại. Riêng bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- UBND phường 2, thành phố Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long.

Phạm Thị Lanh